

## HỆ GIÁ TRỊ CẦN GIÁO DỤC CHO NỮ SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG Ở THANH HÓA HIỆN NAY

Mai Thị Quý<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Trong khuôn khổ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ở bài viết trước, tác giả đã xác định những tiêu chí để xây dựng hệ giá trị cần định hướng cho nữ sinh viên đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa. Trong bài viết này, tác giả tập trung vào nội dung của hệ giá trị đó với ba phần: (1) Những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung; (2) Những giá trị cốt lõi chung của người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH với những biểu hiện cụ thể; (3) Những giá trị đặc thù của nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa được hình thành từ các hoạt động học tập, sinh hoạt cũng như các mối quan hệ chủ yếu của các em với quê hương đất nước, với nhà trường, với cha mẹ, với thầy cô, bạn bè và với chính bản thân mình. Bên cạnh hệ giá trị là một hệ phân giá trị tương ứng nhằm giúp sinh viên dễ nhận diện đâu là giá trị đâu là phân giá trị để định hướng giá trị đúng đắn hơn.*

**Từ khóa:** *Giá trị, hệ giá trị, giáo dục giá trị, nữ sinh viên.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ giá trị là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp một cách có hệ thống theo những nguyên tắc nhất định, thành một tập hợp mang tính toàn vẹn, chính thể phản ánh truyền thống văn hóa, trình độ văn minh, trình độ phát triển của một dân tộc hay một cộng đồng người nhất định. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, hệ giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam đã được hình thành mà cốt lõi của hệ giá trị đó là: tinh thần yêu nước; ý thức coi trọng gia đình; ý chí tự lực, tự cường; tinh thần nhân văn, nhân ái; chủ nghĩa anh hùng cách mạng; tinh thần đoàn kết cộng đồng, tương thân, tương ái; đức tính cần cù, tiết kiệm; khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng nhanh, dễ hội nhập; tinh thần hiếu học, ham học hỏi, ham hiểu biết...

Bên cạnh hệ giá trị chung của cả dân tộc, người phụ nữ Việt Nam - những người được gọi là phái yếu, phái đẹp với thiên chức làm mẹ, làm vợ vẫn cùng cả dân tộc đứng lên chiến đấu chống quân thù. Và chính họ đã tự xây dựng cho phụ nữ Việt Nam một hệ giá trị đặc thù. Hệ giá trị đó đã được Đảng, Nhà nước, Bác Hồ và cả dân tộc phong tặng. Đó là: “Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang”; “Phụ nữ Việt Nam dũng cảm - đảm đang - chống Mỹ cứu nước”; “Phụ nữ Việt Nam Trung hậu - Đảm đang - Tài năng - Anh hùng”; “Phụ nữ Việt Nam năng động, sáng tạo, trung hậu, đảm đang” và nay là “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”.

<sup>1</sup> Khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

Những năm gần đây, dưới tác động của toàn cầu hóa, của cơ chế kinh tế thị trường, của CNH, HĐH và một số nhân tố khác, một bộ phận phụ nữ trong đó có sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa không dành sự quan tâm đúng mức đối với giá trị và hệ giá trị của phụ nữ Việt Nam nói chung cũng như của bản thân nói riêng. Cuộc sống với những lo toan bộn bề theo vòng xoay của kinh tế thị trường đã kéo họ xa dần những chuẩn mực giá trị truyền thống. Thậm chí, trong quan niệm của không ít phụ nữ, hệ giá trị đã bị đảo lộn, họ choáng ngợp trước những giá trị mới, họ tung hô cả những phản giá trị, họ lạc lối giữa biển giá trị mênh mông, không định hướng dẫn đến nhiều sai lầm đáng tiếc. Chính vì vậy, việc xây dựng một hệ giá trị phù hợp để giáo dục cho nữ sinh viên nói chung và nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa nói riêng là thực sự cần thiết.

## 2. NỘI DUNG

Hệ giá trị cần được giáo dục cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa gồm có 3 phần: (1) Những giá trị truyền thống chung của dân tộc; (2) Những giá trị cốt lõi của người phụ nữ Việt Nam; (3) Những giá trị đặc thù của nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa. Để giúp đối tượng được giáo dục dễ nhận diện, chúng tôi đặt hệ giá trị bên cạnh hệ phản giá trị tương ứng.

### 2.1. Những giá trị truyền thống chung của dân tộc cần giáo dục cho nữ sinh viên đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa như: yêu nước, coi trọng gia đình, nhân văn, đoàn kết, hiếu học, cần cù, tiết kiệm

*Yêu nước* là giá trị cơ bản trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đối với dân tộc Việt Nam, yêu nước không chỉ là một tình cảm tự nhiên mà nó còn chính là sản phẩm của lịch sử, được hun đúc bởi chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc. Chúng ta bước vào hội nhập trong điều kiện đất nước đã hoàn toàn giải phóng, nhân dân được sống trong hoà bình. Nỗi nhục mất nước đã được rửa nhưng nỗi nhục nghèo đói thì vẫn còn đó. Chính vì vậy, trong điều kiện hiện nay, yêu nước *vẫn thực sự là một giá trị* và mang những nội dung mới. Nội dung cơ bản nhất của yêu nước trong giai đoạn hiện nay là tất cả mọi người dân phải đem hết tài năng, sức lực, trí tuệ và lòng nhiệt huyết của mình để góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm cho đất nước “vươn mình đứng dậy”, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân đồng thời khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nói cách khác, trung thành với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh chính là sự thể hiện tinh thần yêu nước cao cả nhất trong điều kiện hiện nay. Cụ thể hơn, đối với mỗi người dân Việt Nam, yêu nước chính là cố gắng phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện, lao động để làm giàu cho chính mình và cho xã hội. Đường lối đổi mới của Đảng ta đã và đang tạo ra nhiều cơ hội cho tất cả mọi người dân chủ động tham gia vào các thành phần kinh tế khác nhau phù hợp với điều kiện, khả năng và sở trường của mình đem lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Đối với mỗi người dân Việt Nam, *gia đình* luôn là một giá trị thiêng liêng, cao cả không gì có thể so sánh được. Sự coi trọng gia đình, huyết thống và dòng tộc thể hiện ở

tinh thần trách nhiệm, sự gương mẫu của cha mẹ đối với con cái; hành vi kính trên, nhường dưới, kính già, yêu trẻ; con cháu hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; lòng chung thủy và tình nghĩa vợ chồng... đã có từ ngàn xưa ở người Việt Nam. Dù có biết bao biến cố xã hội dữ dội, nhưng sự bền vững của gia đình vẫn được coi là một giá trị và gia đình vẫn được coi là trung tâm của mạng lưới các quan hệ xã hội Việt Nam. Kế thừa giá trị truyền thống gia đình của dân tộc trước hết là tôn trọng, giữ gìn và phát huy các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, lối sống lành mạnh, cách cư xử mang đậm tính nhân văn giữa các thành viên. Đó là tình nghĩa thủy chung giữa vợ với chồng; tình thương và trách nhiệm với con cái, lòng hiếu thảo đối với ông, bà, cha, mẹ; lòng biết ơn, tôn kính tổ tiên và trên hết là sự bền vững của gia đình. Đồng thời, cũng cần loại bỏ khỏi gia đình những quan niệm lạc hậu đã từng tồn tại trong một thời kỳ dài ở nước ta như: tính gia trưởng, trọng nam khinh nữ; lối áp đặt một chiều từ phía cha mẹ đối với con cái; coi nhẹ lợi ích và nhu cầu riêng tư của mỗi thành viên... Mặt khác, cũng cần tiếp thu những giá trị văn hoá gia đình hiện đại như tôn trọng quyền con người nhất là đối với phụ nữ và trẻ em; tôn trọng lợi ích cá nhân; tinh thần bình đẳng, dân chủ giữa các thành viên; tôn trọng pháp luật... Xây dựng gia đình “ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ”.

Trong bảng giá trị tinh thần của người Việt, tư tưởng *nhân văn* truyền thống Việt Nam là một trong những giá trị đáng quý và đáng tự hào nhất. Triết lý sống “bầu ơi thương lấy bí cùng” và “thương người như thể thương thân” đã ăn sâu vào lòng mỗi người dân Việt Nam. Và cũng chính vì vậy mà trong xã hội ta từ xa xưa, con người đã biết yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau vượt qua hoạn nạn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, kinh tế thị trường hiện nay, giá trị nhân văn truyền thống vẫn cần được kế thừa, phát huy cao độ và được bổ sung thêm những nội dung mới. Đó là tình yêu thương đồng bào, đồng loại; là mong muốn được sống trong độc lập, tự do; là sự khoan dung, độ lượng với mọi người; là ý thức đề cao vai trò của con người trong cuộc sống; là sự phản đối và chống lại những hành vi bạo ngược, phi nghĩa, bất nhân... hướng tới thực hiện những quyền tự do thiêng liêng và cao cả nhất của con người. Bên cạnh đó, cần phải loại bỏ những biểu hiện mang tính tiêu cực “núp bóng nhân văn” như thái độ nể nang, vì tình cảm, vì thương hại người khác mà có thể vi phạm pháp luật hoặc để tình cảm lấn át lý trí trong nhiều hoạt động mà chúng ta vẫn thường gặp hiện nay.

Cùng với tinh thần yêu nước, tinh thần nhân văn thì tinh thần *đoàn kết* cũng được coi là một trong những giá trị truyền thống quý giá của dân tộc ta. Nếu như trong chiến tranh, tinh thần đoàn kết thể hiện ở sự gắn bó, hợp sức của mọi tầng lớp nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng những vũ khí tối tân, hiện đại nhất của kẻ thù thì ngày nay, cần phát huy sức mạnh đó để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Nếu như trước đây, nói đến đoàn kết chủ yếu là nói đến sự chung sức của đồng bào các dân tộc trong nước, thì ngày nay cần mở rộng khối đoàn kết dân tộc đối với tất cả những người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài thuộc mọi lứa tuổi, mọi nghề nghiệp, mọi chính kiến.

*Hiếu học* cũng là một giá trị truyền thống tiêu biểu của người dân Việt Nam đã được minh chứng qua các giai đoạn lịch sử. Truyền thống này được hình thành do sự kết hợp

giữ trí thông minh, sáng tạo của người dân với những ảnh hưởng tích cực của Nho giáo. Ngày nay, trong khi nước ta vẫn đang còn là một nước nông nghiệp lạc hậu, thì thế giới đã và đang bước vào nền kinh tế tri thức, bởi vậy, để tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế, chúng ta không còn cách nào khác là phải chủ động nắm bắt tri thức, công nghệ hiện đại nhất, tiên tiến nhất trên thế giới. Chính vì thế tinh thần hiếu học của người dân Việt Nam cần được kế thừa và phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hiếu học hiện nay được hiểu là tinh thần ham học, thích được học, tự nguyện và khát khao vươn tới tri thức, vượt qua mọi khó khăn để nâng cao hiểu biết, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội. Cần loại bỏ những hiện tượng không phù hợp như sinh bằng cấp, thương mại hoá tri thức, gian lận trong thi cử, thực dụng trong học tập, bệnh thành tích trong giáo dục...

*Cần cù* cũng là một trong những đức tính nổi bật của người dân Việt Nam. Kế thừa truyền thống này trước hết là phát huy tinh thần nhiệt tình, kiên nhẫn, chịu khó trong lao động; lòng say mê, yêu lao động, yêu công việc, yêu nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt được kết quả lao động tốt nhất mà cha ông chúng ta đã từng phát huy và đã mang lại những thành quả lao động đáng trân trọng ngay cả trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần khắc phục dần những tư tưởng không còn phù hợp với điều kiện hiện nay. Chẳng hạn, quan điểm cho rằng, chỉ cần cù là sẽ “bù” được khả năng; chỉ cần “năng nhặt” là có thể “chặt bị” hay làm việc quần quật mà không nghĩ ngơi hợp lý... bởi chính những quan điểm đó sẽ có nguy cơ làm giảm đi tính sáng tạo trong lao động.

Trong truyền thống của dân tộc ta, cần cù luôn gắn liền với *tiết kiệm*. Lối sống tiết kiệm xuất phát từ triết lý sống của người Việt Nam rằng mỗi người phải có trách nhiệm với mình, với gia đình, xã hội và các thế hệ mai sau. Hơn nữa, do cuộc sống quá khó khăn lại không ổn định nên người Việt Nam thường có tâm lý dè dặt để đề phòng những trường hợp bất trắc xảy ra. Hiện nay, đất nước ta vẫn còn nghèo, đời sống của người dân vẫn còn nhiều khó khăn nên vẫn rất cần phải phát huy đức tính tiết kiệm. Cụ thể là: tiết kiệm trong tiêu dùng; tiết kiệm trong sản xuất; tiết kiệm trong đầu tư và xây dựng cơ bản; tiết kiệm thời gian cho mọi hoạt động...

Sau đây là những biểu hiện của những giá trị truyền thống chung của dân tộc Việt Nam cần giáo dục cho nữ sinh viên:

### Những giá trị truyền thống chung của dân tộc Việt Nam

Giá trị	Phản giá trị
<i>1. Yêu nước với những biểu hiện</i>	<i>1. Không yêu nước với những biểu hiện</i>
1.1. Có tình yêu mãnh liệt đối với quê hương, đất nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc.	1.1. Không có tình yêu quê hương, đất nước, không có lòng tự tôn, tự hào dân tộc.
1.2. Đặt lợi ích của Quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích của bản thân, sẵn sàng hiến dâng sức trẻ khi Tổ quốc cần.	1.2. Chỉ biết đến lợi ích của bản thân mà không quan tâm đến lợi ích của Quốc gia, dân tộc, trốn tránh nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

1.3. Trung thành với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và có những đóng góp tích cực để hiện thực hóa mục tiêu này.	1.3. Không có tinh thần và những đóng góp thực tế để xây dựng đất nước giàu mạnh, thậm chí có những hành động đi ngược lại mục tiêu này, làm tổn hại đến lợi ích của Quốc gia, dân tộc.
<i>2. Coi trọng gia đình với những biểu hiện</i>	<i>2. Không coi trọng gia đình với biểu hiện</i>
2.1. Lập gia đình khi đến tuổi kết hôn, sinh con và nuôi dạy con cái tốt cũng có nghĩa là có trách nhiệm đối với xã hội.	2.1. Không muốn lập gia đình, thích sống độc thân, ngại sinh con tức là vô trách nhiệm đối với xã hội.
2.2. Tôn trọng, giữ gìn và phát huy các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp, lối sống lành mạnh, cách cư xử mang đậm tính nhân văn giữa các thành viên trong gia đình.	2.2. Cư xử vô văn hóa, phản nhân văn, bạo lực, không giữ được những mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình.
2.3. Tôn trọng những giá trị gia đình như: chung thủy, hiếu thuận, lễ phép, tình yêu thương, trách nhiệm...	2.3. Coi thường những giá trị gia đình dẫn đến hiện tượng: ngoại tình; hỗn láo hoặc không quan tâm chăm sóc cha mẹ; sống vô trách nhiệm...
2.4. Xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ.	2.4. Không có ý thức xây dựng gia đình, đẩy gia đình đến tình trạng đói nghèo, lạc hậu, lục đục, ly thân, ly hôn.
<i>3. Nhân văn với những biểu hiện cụ thể</i>	<i>3. Phán nhân văn với những biểu hiện</i>
3.1. Có tình yêu thương đồng bào, đồng loại; khát vọng được sống trong độc lập, tự do.	3.1. Không có tình yêu thương đồng bào, đồng loại, vô tình hay cố ý cổ vũ chiến tranh, bạo lực.
3.2. Có sự khoan dung, độ lượng với mọi người, sẵn sàng giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.	3.2. Sống ích kỷ, hẹp hòi, vô cảm, không quan tâm cũng không giúp đỡ người khác.
3.3. Phản đối và chống lại những hành vi bạo ngược, phi nghĩa, bất nhân.	3.3. Vô cảm trước những hành vi bạo lực, phi nhân tính hoặc bản thân có những hành vi bạo lực, phi nhân tính đối với người khác.
<i>4. Đoàn kết với những biểu hiện</i>	<i>4. Không đoàn kết với những biểu hiện</i>
4.1. Tôn trọng tập thể, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.	4.1. Không tôn trọng tập thể, chỉ biết đến lợi ích cá nhân mà không quan tâm đến lợi ích của tập thể cũng như của những cá nhân khác.
4.2. Biết lắng nghe ý kiến góp ý của mọi người cũng như biết đóng góp ý kiến xây dựng cho cá nhân, tập thể trên tinh thần xây dựng, cầu tiến.	4.2. Luôn cho mình là đúng, không có tinh thần cầu tiến; góp ý kiến cho người khác không dựa trên tinh thần xây dựng.

4.3. Biết phát huy sức mạnh của tập thể trong việc đưa ra những quyết định chung.	4.3. Không biết coi trọng và phát huy sức mạnh của tập thể.
4.4. Biết đứng về chính nghĩa, có chính kiến, không a dua, bè phái.	4.4. Không có chính kiến, a dua, bè phái, không có ý thức bảo vệ lẽ phải, bảo vệ cái đúng, gây mất đoàn kết.
<i>5. Hiếu học với những biểu hiện</i>	<i>5. Không hiếu học với những biểu hiện</i>
5.1. Ham học, thích được học, tự nguyện và khát khao vươn tới tri thức.	5.1. Không thích học, học vì bị ép buộc.
5.2. Học tập nghiêm túc, chấp hành đúng các quy định, quy chế của từng khóa học, kết quả học tập tốt.	5.2. Học tập thiếu nghiêm túc, vi phạm quy chế, quy định, học đối phó, kết quả học tập kém.
5.3. Xác định đúng đắn mục tiêu của học tập là: học để biết, học để làm, học để sống và học để hòa nhập.	5.3. Học chỉ là để đối phó nên chấp nhận những hiện tượng tiêu cực trong học tập như: học thay, học hộ, thi thay, thi hộ, làm luận văn hộ, sao chép kết quả nghiên cứu của người khác...
<i>6. Cần cù với những biểu hiện</i>	<i>6. Lười nhác với những biểu hiện</i>
6.1. Nhiệt tình, kiên nhẫn, chịu khó trong lao động, học tập.	6.1. Không nhiệt tình, không chịu khó, dễ nản, buông xuôi, lười biếng trong lao động, học tập.
6.2. Có lòng say mê, yêu lao động, yêu công việc, yêu nghề nghiệp.	6.2. Không có lòng say mê, tình yêu đối với công việc, lao động và học tập, chỉ thích đi chơi và hưởng thụ.
6.3. Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có kỹ năng nghề nghiệp tốt để lao động đạt năng suất, hiệu quả cao.	6.3. Không có tinh thần trách nhiệm trong công việc, làm việc qua loa, đại khái, đối phó cho xong, hiệu quả lao động, học tập thấp.
<i>7. Tiết kiệm với những biểu hiện</i>	<i>7. Lãng phí với những biểu hiện</i>
7.1. Biết chi tiêu hợp lý, chỉ chi tiêu những gì thật sự cần thiết và phù hợp với điều kiện tài chính của bản thân.	7.1. Chi tiêu bừa bãi, phung phí, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện tài chính của bản thân, chi tiêu những thứ không cần thiết.
7.2. Biết tiết kiệm thời gian, dành thời gian để làm những việc có ích như: lao động, học tập, các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh...	7.2. Lãng phí thời gian cho những hoạt động vô bổ như: vào mạng, đàn đúm bạn bè, tham gia các hoạt động không lành mạnh...
7.3. Biết dành dụm tài chính để đầu tư hoặc đề phòng lúc ốm đau, hoạn nạn.	7.3. Không có ý thức dành dụm, “được đồng nào xào đồng ấy”, thậm chí vay mượn để tiêu sang.

## 2.2. Những giá trị cốt lõi của người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần giáo dục cho nữ sinh viên đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa: *tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*

Hệ giá trị cần được giáo dục cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa phải dựa trên 4 giá trị cốt lõi của người phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH là: *tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang* mà Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã xác định. Trong bốn giá trị này, có cả những giá trị truyền thống như: trung hậu, đảm đang; có cả những giá trị hiện đại như: tự tin, tự trọng. Mặt khác, ngay trong giá trị truyền thống cũng chứa đựng yếu tố hiện đại và ngược lại, ngay trong giá trị hiện đại vẫn chứa đựng yếu tố truyền thống.

Từ bốn giá trị cốt lõi đó, cùng với hệ giá trị của con người Việt Nam nói chung, của sinh viên Việt Nam nói riêng trong các công trình khoa học đã được công bố, chúng tôi xác định những giá trị cụ thể để giáo dục cho nữ sinh viên ở Thanh Hóa bao hàm trong đó cả những giá trị truyền thống và hiện đại; những giá trị chung của con người Việt Nam, của người phụ nữ Việt Nam; những giá trị của sinh viên nói chung và cả những giá trị đặc thù của nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa. Mặt khác, để sinh viên dễ hiểu và dễ nhận diện được các giá trị, chúng tôi đặt hệ giá trị bên cạnh hệ phi giá trị tương ứng. Trong quá trình giáo dục, chúng ta cần làm cho nữ sinh viên hiểu rằng: hệ giá trị là cái cần xây dựng, cần hướng đến, còn hệ phản giá trị là cái cần phản đối, loại bỏ. Trước hết, chúng tôi làm rõ nội hàm của bốn giá trị cốt lõi của người phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước mà bất kỳ một người phụ nữ Việt Nam nào cũng cần phải có được, đó là: *tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*.

*Tự tin* trước hết là tin tưởng vào năng lực, phẩm chất của bản thân, tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của mình, trên cơ sở đó, có sự tự tin đúng mức và cần thiết dựa trên năng lực thực tế của bản thân. Từ đó, đặt cho mình mục tiêu để phấn đấu vươn lên, vượt mọi khó khăn, hoàn cảnh, khắc phục tâm lý tự ti, rụt rè. Trong công việc, người tự tin là người dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Trong cuộc sống, người tự tin thường quyết đoán, chủ động, bình tĩnh xử lý mọi tình huống. Người tự tin còn luôn có thái độ hợp tác, tôn trọng năng lực của người khác đồng thời luôn là người khiêm tốn, thẳng không kiêu, bại không nản. Trong giao tiếp ứng xử, người tự tin thường tỏ thái độ bình tĩnh, chủ động, nói năng rành mạch, phong thái chững chạc, đường hoàng. Tự tin là một phẩm chất cần phải có của người phụ nữ Việt Nam hiện nay nhưng *cần phân biệt tự tin với thiếu tự tin và tự cao, tự đại, tự kiêu*. Thiếu tự tin là ngược lại với tự tin, dễ nói theo, làm theo, dễ bị kích động, lôi kéo, sợ thất bại. Tự tin là dựa trên năng lực thực tế của mình, cho rằng mình có thể làm được việc này và sẵn sàng làm việc đó nếu cần. Khác với tự tin, người tự cao, tự đại, tự kiêu luôn phóng đại khả năng của bản thân để rồi thỏa mãn những gì mà mình có và coi thường người khác, cho rằng chỉ có mình mới có đủ năng lực làm được một việc nào đó. Quá tự tin bất chấp mọi hoàn cảnh, cho rằng việc gì mình cũng làm được cũng không phải là giá trị mà là không biết tự đánh giá bản thân có thể dẫn đến những sai lầm đáng tiếc.

*Tự trọng* là sự coi trọng danh dự, phẩm chất, nhân cách của chính bản thân. Người có lòng tự trọng là người luôn biết giá trị của bản thân, biết mình là ai, mình có những gì, tự hào về điều gì và không để người khác xâm phạm đến những điều ấy. Người có lòng tự trọng sẽ biết bảo vệ lòng tự trọng của mình. Trong ứng xử, người tự trọng thường độ lượng với người khác nhưng nghiêm khắc với bản thân, tự giác tu dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện tác phong, lối sống theo chuẩn mực đạo đức xã hội; không sống dễ dãi, buông thả; không có những hành vi trái chuẩn mực đạo đức xã hội, trái lương tâm; luôn giữ đạo đức nghề nghiệp; hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng; tự biết xấu hổ, ăn năn nếu làm những việc trái đạo lý; khi có lỗi thì tự giác nhận lỗi và sửa lỗi; biết kiềm chế, không xúc phạm người khác. Lòng tự trọng là một giá trị cần phải có trong mỗi con người, mất tự trọng bạn sẽ mất đi rất nhiều thứ, mất luôn cả giá trị bản thân. Là một nữ sinh viên sống xa nhà, cuộc sống còn nhiều khó khăn thì càng phải có lòng tự trọng, không thể vì những cám dỗ vật chất, dục vọng tầm thường làm tổn hại đến lòng tự trọng của bản thân, khiến mình trở nên bị xem thường trong con mắt của người khác. Thiếu tự trọng sẽ dễ bị sai khiến làm theo người khác, dễ bị sa ngã trước đồng tiền, danh lợi. Một dân tộc mà không có lòng tự trọng sẽ mãi mãi là một dân tộc nô lệ, phụ thuộc và dễ dẫn đến mất độc lập, tự do, thậm chí là mất nước. Nhưng nếu tự trọng thái quá lại trở thành ích kỷ, tự cao, hay tự ái, không sẵn sàng mở lòng để đón nhận sự yêu thương, giúp đỡ của người khác, sống khép kín, khó hòa đồng.

Trung hậu là trung thành, trung thực, nhân hậu. Biểu hiện của phẩm chất *trung hậu* theo nghĩa rộng chính là lòng trung thành với Tổ quốc, với nhân dân. Biết tôn trọng những thành quả cách mạng mà các thế hệ cha ông đã hy sinh xương máu mới giành lại được, hiểu rõ đạo lý “ăn quả nhớ người trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”. Do đó, người *trung hậu* không bao giờ phản bội Tổ quốc, không nhẹ dạ nghe lời xúi giục của kẻ xấu, không tiếp tay cho kẻ xấu phá hoại thành quả cách mạng. Cũng không thay lòng đổi dạ; không thất hứa, bội tín; không vô tình, bất nghĩa. Trong quan hệ cộng đồng, biểu hiện của phẩm chất *trung hậu* chính là sự thủy chung son sắt trong các mối quan hệ gia đình, xã hội. Giàu tình yêu thương, sẵn sàng cứu trợ, giúp đỡ người khác trên cơ sở đồng cảm; không thờ ơ, bàng quan, vô cảm trước bất hạnh của người khác; không vì quyền lợi cá nhân mà làm hại người khác. Có lòng vị tha, sẵn sàng tự nguyện hy sinh bản thân cho gia đình, cho đất nước; là sự chân thành, công tâm, khách quan trong cách đối xử với mọi người. Thẳng thắn, cương trực, có chính kiến để bảo vệ lẽ phải, đấu tranh chống cái xấu, cái ác. Nhưng nếu lòng trung hậu mà đi quá giới hạn sẽ có thể dẫn đến sự mù quáng như: trung thành, chung thủy, không thật với người thân, bảo vệ họ ngay cả khi họ là người xấu, vi phạm pháp luật, thậm chí muốn làm hại mình. Vì vậy, lòng trung hậu của người phụ nữ phải được đặt trên cơ sở của sự hiểu biết, có như vậy họ mới tránh được sự lợi dụng của người khác thậm chí tránh được sự vi phạm pháp luật.

Đảm đang là người biết sắp xếp hài hòa công việc gia đình và công việc xã hội. *Đối với gia đình*, người phụ nữ *đảm đang* cần có *khả năng quán xuyến công việc gia đình*; biết sắp xếp, phân công công việc cho các thành viên một cách hợp lý; chăm chỉ, sáng tạo trong lao

động, tạo thu nhập ổn định đóng góp vào nguồn thu của gia đình; tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình; quan tâm chăm sóc, nuôi dạy con tốt; thực hành tiết kiệm, chi tiêu hợp lý, có kế hoạch, phù hợp điều kiện kinh tế gia đình. Biết cách tổ chức tốt cuộc sống tinh thần trong gia đình, luôn chia sẻ tâm tư tình cảm với con, hiểu những giai đoạn thay đổi tâm sinh lý của con để khéo léo định hướng cho con phát triển nhân cách; không phó mặc việc giáo dục con cái cho nhà trường, cho xã hội. *Đối với xã hội*, người phụ nữ *đảm đang* cần tham gia lao động sáng tạo, hoàn thành tốt công việc; *phấn đấu giỏi việc nước, đảm việc nhà*. Biết sắp xếp việc nhà hợp lý để tham gia việc cộng đồng, hoàn thành tốt mọi công việc được phân công. *Đối với bản thân*, người phụ nữ *đảm đang* còn là người biết sắp xếp thời gian hợp lý trong công việc, tham gia học tập nâng cao trình độ của bản thân, chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết để trở thành một người lao động có chất lượng cao, một người vợ đảm, một người mẹ hiền. Đồng thời vừa có chế độ nghỉ ngơi, chăm sóc bản thân hợp lý để tái tạo sức lao động. Tuy nhiên, nếu *đảm đang* mà không có phương pháp khoa học hoặc nhận thức không đúng về phẩm chất này sẽ dẫn đến tình trạng người phụ nữ ôm tất cả công việc gia đình vào tay mình, tạo nên thói quen ỉ lại đối với các thành viên khác trong gia đình. Vì vậy, người phụ nữ trở nên quá bận rộn, không có đủ thời gian để vừa hoàn thành công việc xã hội cũng như việc nhà, không có thời gian chăm sóc bản thân, “đầu tắt mặt tối” cả ngày sinh ra cái kính không tốt cho bản thân, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và hiệu quả công việc.

Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang vừa là những giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa là những giá trị hiện đại cần phải có của người phụ nữ Việt Nam hiện nay. Những giá trị đó góp phần thể hiện vai trò làm vợ, làm mẹ của người phụ nữ, đồng thời khẳng định vị thế của chị em trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, việc rèn luyện để có được những giá trị ấy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp người phụ nữ Việt Nam không những đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế mà còn giúp chị em góp phần to lớn vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Sau đây là những biểu hiện cụ thể của bốn giá trị cốt lõi chung.

### Những giá trị cốt lõi của người phụ nữ nói chung

Giá trị	Phản giá trị
<i>1. Tự tin với những biểu hiện</i>	<i>1. Thiếu tự tin với những biểu hiện</i>
1.1. Tự đánh giá được ưu nhược điểm của bản thân, biết mình, biết người, dám thể hiện bản thân.	1.1. Không tự đánh giá được bản thân, không biết mình, biết người, không dám thể hiện bản thân.
1.2. Sẵn sàng nhận nhiệm vụ và nỗ lực vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.	1.2. Không mạnh dạn nhận nhiệm vụ, thoái thác nhiệm vụ, không dám vượt khó.
1.3. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết đoán.	1.3. Lười suy nghĩ, sợ trách nhiệm, thiếu quyết đoán.
1.4. Chủ động, bình tĩnh xử lý công việc trong mọi tình huống.	1.4. Thụ động, lúng túng, bế tắc khi xử lý công việc. Khi thất bại thì chán nản, tuyệt vọng.

1.5. Tự lực, tự chủ, biết làm kinh tế.	1.5. Phụ thuộc, dựa dẫm, ỉ lại.
1.6. Thận trọng, hợp tác, khiêm tốn, tạo cơ hội cho người khác thể hiện sự tự tin.	1.6. Rụt rè, tự ti, không dám hợp tác với người khác.
1.7. Dám thể hiện quan điểm, chính kiến của mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội, yêu ghét rõ ràng.	1.7. Ba phải, dĩ hòa vi quý, không dám tỏ rõ thái độ, yêu ghét không rõ ràng.
1.8. Mạnh dạn, tự tin, hoạt bát, thanh lịch trong giao tiếp.	1.8. Ngại giao tiếp, sống ẩn mình, ngại tiếp xúc, chia sẻ với người khác.
1.9. Dám đấu tranh đòi quyền bình đẳng nam nữ và những hủ tục lạc hậu.	1.9. An phận, chấp nhận sự bất bình đẳng nam nữ và những hủ tục lạc hậu.
1.10. Tích cực rèn luyện sức khỏe để sức khỏe tốt, ngoại hình đẹp, cân đối, thần thái tươi trẻ, tràn đầy năng lượng.	1.10. Nuông chiều bản thân, ăn uống, sinh hoạt thiếu khoa học, ngại thể dục thể thao, dẫn đến sức khỏe yếu, ngoại hình thiếu thẩm mỹ, thần thái ủ rũ, thiếu sức sống.
1.11. Năng động, sáng tạo, linh hoạt tự tìm kiếm cơ hội cho bản thân.	1.11. Lê mê, chậm chạp, nguyên tắc, dựa dẫm vào người khác.
<i>2. Tự trọng với những biểu hiện</i>	<i>2. Thiếu tự trọng với những biểu hiện</i>
<i>Đối với đất nước</i>	
2.1. Yêu nước, thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân, không làm tổn hại đến lợi ích của Quốc gia, dân tộc, tự hào là người phụ nữ Việt Nam, là người dân Việt Nam.	2.1. Thờ ơ, thiếu trách nhiệm đối với đất nước, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự của đất nước, làm xấu hình ảnh người phụ nữ Việt Nam, phản bội Tổ quốc.
2.2. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như những quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.	2.2. Đi ngược lại với đường lối, chủ trương của Đảng, cố tình vi phạm pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.
2.3. Dám đấu tranh chống các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật diễn ra xung quanh.	2.3. Thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những hành vi sai trái, vi phạm pháp luật diễn ra xung quanh.
2.4. Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ chính quyền, có trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh.	2.4. Trốn tránh nghĩa vụ đối với Tổ quốc, nghe theo luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nói xấu, bôi nhọ Đảng, chế độ, Nhà nước.
<i>Đối với gia đình</i>	
2.5. Chấp hành nghiêm chỉnh Luật Hôn nhân gia đình, tôn trọng chế độ một vợ một chồng.	2.5. Cố tình vi phạm Luật Hôn nhân gia đình như: tảo hôn, ngoại tình, phá hoại hạnh phúc gia đình người khác.
2.6. Sống có trách nhiệm với các thành viên khác trong gia đình: là người con, người cháu hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; là người chị có trách nhiệm, là người em ngoan, lễ phép.	2.6. Vô trách nhiệm với các thành viên khác trong gia đình, hỗn láo với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi.
2.7. Tôn trọng chồng và công việc của chồng, bình đẳng trong nuôi dạy con cái và xây dựng gia đình.	2.7. Can thiệp quá sâu vào công việc của chồng, ỉ lại cho chồng trong việc nuôi dạy con cái và xây dựng gia đình.

<i>Đối với bản thân</i>	
2.8. Tự giác thực hiện nghĩa vụ của bản thân (người công dân, người cán bộ, người con, người vợ, người mẹ...).	2.8. Thiếu trách nhiệm với việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và xã hội.
2.9. Không làm những việc không nên làm, không được làm kể cả khi không ai biết. Biết xấu hổ và dám nhận khuyết điểm khi làm việc sai trái.	2.9. Cố tình làm những việc gian dối, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật mà không thấy áy náy, không biết tự xấu hổ.
2.10. Nói đi đôi với làm, không phát ngôn bừa bãi, thiếu trách nhiệm.	2.10. Nói suông, nói “cho sướng mồm”, nói nhiều làm ít, phát ngôn bừa bãi.
2.11. Tự chủ, tự lực, tự giác cao, luôn tự nhắc nhở và nhìn lại bản thân để tự uốn nắn mình.	2.11. Phụ thuộc, bị động và thiếu tự giác, luôn để người khác phải nhắc nhở, đôn đốc thậm chí phê bình.
<i>3. Trung hậu với những biểu hiện</i>	<i>3. Không trung hậu với những biểu hiện</i>
<i>Trung thành, thủy chung</i>	<i>Thiếu trung thành, không chung thủy</i>
3.1. Trung thành với Tổ quốc, nhân dân.	3.1. Phản bội Tổ quốc, tiếp tay cho kẻ xấu chống phá Đảng, Nhà nước, chính quyền.
3.2. Trung thành với lý tưởng cách mạng mà mình đã lựa chọn.	3.2. Không có lập trường, lý tưởng, dễ dao động và bị lôi kéo.
3.3. Coi trọng chữ tín với bạn bè, sẵn sàng hy sinh và bảo vệ bạn bè.	3.3. Phản bội lòng tin của bạn bè, không có chữ tín.
<i>Trung thực, thẳng thắn</i>	<i>Thiếu trung thực, thiếu công tâm</i>
3.4. Công tâm, khách quan trong đánh giá, đối xử với mọi người, không thiên vị, cảm tính trong đánh giá con người, công việc.	3.4. Thiên vị, cảm tính, khắt khe, hẹp hòi, ích kỷ, đố kỵ trong đánh giá, đối xử với mọi người.
3.5. Không tham lam, vụ lợi.	3.5. Tham lam, vụ lợi, chỉ biết vun vén cho lợi ích cá nhân.
3.6. Thẳng thắn, dám đấu tranh với cái sai, cái xấu, không xu nịnh, nói những lời không thật.	3.6. Lươn lẹo, nịnh bợ, nói dối người khác để cầu vinh, cầu lợi, bất chấp danh dự.
<i>Nhân ái, sống có nghĩa tình</i>	<i>Sống vô tình, vô cảm</i>
3.7. Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây.	3.7. Vong ân, bội nghĩa, qua cầu rút ván, khỏi vòng cong đuôi, lấy oán báo ân...
3.8. Sống vì mọi người, yêu thương và đồng cảm với người khác, sẵn sàng giúp đỡ người yếu thế một cách vô tư, không vì quyền lợi cá nhân mà làm hại người khác.	3.8. Thờ ơ, bàng quan, vô cảm trước khó khăn hoặc nỗi đau của người khác, nhẫn tâm làm hại người khác để đạt được mục đích của mình, sống thực dụng, ích kỷ.
3.9. Biết sống bao dung, tha thứ cho mọi người bằng tấm lòng nhân hậu của một người phụ nữ.	3.9. Nanh nọc, thù lâu nhớ dai, muốn được trả thù bằng mọi cách, không biết bao dung, tha thứ cho người khác.
3.10. Một lòng một dạ, thủy chung son sắt với chồng trong khó khăn cũng như khi hạnh phúc.	3.10. Sẵn sàng phụ bạc chồng nếu chồng gặp khó khăn, không làm ra tiền hay ốm đau, bệnh tật.

4. <i>Đảm đang với những biểu hiện</i>	4. <i>Không đảm đang với những biểu hiện</i>
4.1. Làm tròn thiên chức người vợ, người mẹ trong gia đình.	4.1. Vô trách nhiệm với gia đình, không làm tròn thiên chức người vợ, người mẹ trong gia đình.
4.2. Chia sẻ, phân công công việc phù hợp cho các thành viên trong gia đình.	4.2. Không tham gia hoặc không biết phân công các thành viên tham gia công việc gia đình.
4.3. Cần cù, sáng tạo trong lao động, học tập, công tác, lao động đạt hiệu suất cao, góp nguồn thu nhập cho gia đình.	4.3. Lười lao động, học tập, ỉ lại vào người khác, chỉ thích ăn chơi, đua đòi, hưởng thụ.
4.4. Chủ động tạo dựng mối quan hệ thương yêu, gắn bó, tôn trọng, bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.	4.4. Thiếu quan tâm, thiếu kỹ năng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình.
4.5. Tháo vát, giỏi nữ công gia chánh, là người giữ lửa cho hạnh phúc gia đình.	4.5. Vụng về, không biết nữ công gia chánh, không biết giữ lửa cho gia đình.
4.6. Biết chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm.	4.6. Chi tiêu không có kế hoạch, hoang phí hoặc bủn xỉn, keo kiệt.
4.7. Biết sắp xếp, cân đối thời gian hợp lý giữa công việc gia đình và xã hội, “giỏi việc nước, đảm việc nhà”.	4.7. Không biết sắp xếp thời gian hợp lý, khoa học dẫn đến được việc này, mất việc kia.
4.8. Biết sắp xếp thời gian nghỉ ngơi, học tập, thể thao, chăm sóc sức khỏe bản thân và gia đình.	4.8. Thích gì làm nấy, không có kế hoạch và không biết sắp xếp thời gian hợp lý cho các hoạt động khác nhau.

### 2.3. Giá trị đặc thù cần giáo dục cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa

Ngoài bốn giá trị cốt lõi nêu trên, căn cứ vào kết quả điều tra của chúng tôi để nắm bắt được tâm tư, tình cảm, mong muốn, quan niệm sống của nữ sinh viên cũng như xu hướng lựa chọn giá trị của họ hiện nay; căn cứ vào những hoạt động chủ đạo của nữ sinh viên là: học tập, tu dưỡng rèn luyện, đi làm thêm, tham gia các hoạt động xã hội; căn cứ vào các mối quan hệ chủ yếu của nữ sinh viên trong những năm học ở đại học là: quan hệ với nhà trường, quan hệ với thầy cô, bạn bè, quan hệ với chính quyền địa phương nơi sinh sống; căn cứ vào điều kiện cụ thể của phần lớn nữ sinh viên tỉnh Thanh Hóa là: đến từ các miền quê, sống xa nhà, không có sự quản lý sát sao của bố mẹ, phần lớn hoàn cảnh gia đình đều rất khó khăn, nhiều em còn là hộ nghèo, dân tộc thiểu số... Vì vậy trong hệ giá trị, ngoài những giá trị cốt lõi chung cho tất cả phụ nữ Việt Nam, còn có những giá trị đặc thù cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa. Những giá trị đặc thù này cũng không nằm ngoài phạm vi của bốn giá trị cốt lõi là: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang; cũng không nằm ngoài hệ giá trị chung của sinh viên Việt Nam hay dân tộc Việt Nam mà đó chính là những giá trị cụ thể được hình thành trong điều kiện cụ thể của nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa hiện nay.

**Những giá trị đặc thù**

Giá trị	Phản giá trị
<i>1. Đối với Tổ quốc Việt Nam</i>	
1.1. Có lý tưởng cách mạng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.	1.1. Sống không có lý tưởng, không có niềm tin và không có bản lĩnh chính trị, dễ dao động, dễ bị lôi kéo.
1.2. Có khát vọng và nhiệt huyết muốn hiến dâng sức trẻ cho Tổ quốc.	1.2. Chỉ biết lo cho bản thân mà không có ý thức cống hiến sức trẻ cho Tổ quốc.
1.3. Sẵn sàng đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch nhằm vào đối tượng sinh viên.	1.3. Thiếu cảnh giác hoặc không dám đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, bị lôi kéo.
1.4. Có lòng tự tôn dân tộc và nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân đối với việc góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	1.4. Không có lòng tự tôn dân tộc, chỉ biết đòi hỏi và hưởng thụ mà không thấy trách nhiệm của bản thân đối với đất nước.
<i>2. Đối với quê hương Thanh Hóa</i>	
2.1. Có tình yêu đối với quê hương, tự hào với miền quê địa linh nhân kiệt, luôn có ý thức xây dựng quê hương giàu đẹp.	2.1. Xấu hổ, không muốn thừa nhận là người Thanh Hóa, không có ý thức xây dựng quê hương.
2.2. Luôn có ý thức xây dựng và bảo vệ hình ảnh con người và phụ nữ xứ Thanh.	2.2. Có những lời nói, hành vi làm tổn hại, mất hình ảnh con người và phụ nữ xứ Thanh.
2.3. Biết phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của con người và phụ nữ xứ Thanh.	2.3. Không biết phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của con người và phụ nữ xứ Thanh.
2.4. Dám đấu tranh chống lại những hủ tục lạc hậu, những quan niệm tiêu nong tồn tại khá phổ biến ở nhiều làng quê.	2.4. Thờ ơ hoặc không dám đấu tranh chống lại những hủ tục, quan niệm lạc hậu như: trọng nam khinh nữ, gia trưởng...
<i>3. Đối với nhà trường và hoạt động học tập, tu dưỡng, rèn luyện</i>	
3.1. Có tình yêu và lòng tự hào, niềm tin đối với ngôi trường đại học mà mình đang theo học để lập thân lập nghiệp.	3.1. Mất niềm tin đối với Nhà trường, tự ti, xấu hổ khi học ở trường địa phương từ đó làm nhụt chí tinh thần học tập.
3.2. Có ý thức xây dựng Nhà trường và giữ gìn hình ảnh của Nhà trường.	3.2. Không có ý thức xây dựng, có những lời nói, hành vi làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.
3.3. Có ý thức giữ gìn, bảo vệ và sử dụng đúng mục đích cơ sở vật chất của nhà trường, tránh lãng phí.	3.3. Không có ý thức bảo vệ tài sản của Nhà trường, sử dụng cơ sở vật chất lãng phí, sai mục đích.
3.4. Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, mùa hè xanh... do Đoàn trường, Hội sinh viên và Nhà trường tổ chức.	3.4. Thờ ơ, đứng ngoài, thậm chí lẩn tránh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, sống ích kỷ chỉ biết đến bản thân.

3.5. Chấp hành tốt nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường.	3.5. Cố tình vi phạm nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường.
3.6. Cần cù, chăm chỉ, tự giác trong học tập, rèn luyện để ngày mai lập nghiệp, không phụ lòng mong đợi của bố mẹ.	3.6. Lười học, chỉ thích ăn chơi, tụ tập bạn bè, đua đòi, phụ lòng mong đợi của bố mẹ.
3.7. Trung thực, tự trọng trong học hành, thi cử.	3.7. Gian dối trong thi cử như: vi phạm quy chế thi, nhờ thi hộ, học hộ, chạy điểm.
3.8. Tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo trong học tập, rèn luyện, tu dưỡng.	3.8. Thụ động, đối phó trong học tập, rèn luyện, tu dưỡng.
3.9. Có tri thức, giỏi chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.	3.9. Kết quả học tập kém, không chịu học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.
3.10. Có kiến thức về kỹ năng sống, về nữ công gia chánh.	3.10. Thiếu hiểu biết về kỹ năng sống và không biết gì về nữ công gia chánh.
<i>4. Đối với thầy cô, bạn bè</i>	
4.1. Kính trọng, lễ phép, đúng mực trong quan hệ với thầy cô, tôn sư trọng đạo.	4.1. Vô lễ, coi thường thầy cô giáo.
4.2. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lúc hoạn nạn, khó khăn.	4.2. Thiếu tinh thần tương trợ, gây chia rẽ mất đoàn kết.
4.3. Tôn trọng, không xúc phạm hay nói xấu người khác sau lưng, không dựng chuyện nói xấu bạn bè.	4.3. Không tôn trọng người khác, xúc phạm, nói xấu, dựng chuyện, hay đổ ky, ganh tỵ với bạn bè.
4.4. Không lợi dụng, lôi kéo, kích động bạn bè làm việc xấu, trái pháp luật.	4.4. Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, sự thiếu hiểu biết của bạn bè để lôi kéo, kích động, ép buộc làm việc xấu.
4.5. Có tình bạn, tình yêu vô tư, trong sáng, thủy chung, không vụ lợi.	4.5. Thực dụng trong tình bạn, tình yêu, dễ thay lòng đổi dạ.
4.6. Dám thừa nhận giá trị, tài năng, đức độ của người khác nêu họ xứng đáng.	4.6. Vì đổ ky mà dè bĩu, phủ nhận giá trị, tài năng, đức độ của người khác.
<i>5. Đối với gia đình và bản thân</i>	
5.1. Tôn trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; biết giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà, làm thêm để có thu nhập nếu có điều kiện.	5.1. Bất hiếu, không tôn trọng ông bà, cha mẹ; Không biết thương bố mẹ vất vả, lười lao động, ỉ lại vào cha mẹ.
5.2. Tiết kiệm trong chi tiêu hàng ngày để đỡ đần cha mẹ; sắp xếp nhà trọ, phòng ở ngăn nắp, sạch sẽ, hợp vệ sinh.	5.2. Chi tiêu hoang phí, không có kế hoạch; nhà trọ, phòng ở luộm thuộm, bừa bộn.
5.3. Biết tự chăm sóc bản thân, tự lập khi sống xa nhà, xa bố mẹ.	5.3. Không có kỹ năng chăm sóc bản thân, không có tính tự lập, phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ.
5.4. Có nghị lực để vượt qua khó khăn trong cuộc sống tự lập xa nhà.	5.4. Không có nghị lực, ngại khó, ngại khổ, đổ lỗi cho hoàn cảnh.
5.5. Có bản lĩnh để tránh xa mọi sự cám dỗ và cạm bẫy của cuộc sống thị thành và tệ nạn xã hội.	5.5. Không có bản lĩnh, dễ bị sa ngã bởi những cám dỗ vật chất và dục vọng tầm thường, sa vào các tệ nạn xã hội.

5.5. Có tác phong nhanh nhẹn, hoạt bát, tươi tỉnh, có khả năng truyền năng lượng và nhiệt huyết cho người khác	5.5. Lề mề, chậm chạp, ủ dột, thiếu sức sống
5.6. Biết lựa chọn trang phục giản dị, phù hợp với vóc dáng và môi trường học đường cũng như điều kiện kinh tế của bản thân	5.6. Trang phục lòe loẹt, rườm rà, hở hang, kệch cỡm, ăn chơi đua đòi không phù hợp với môi trường học đường, gây phản cảm
5.7. Rèn luyện để có thân hình cân đối, khỏe mạnh và tràn đầy năng lượng	5.7. Lười rèn luyện thể dục thể thao, ăn uống kém khoa học làm sức khỏe giảm sút, hình thể thiếu cân đối.
5.8. Tự tin, tự trọng nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam: thùy mị, dịu dàng, đôn hậu...	5.8. Tự cao, tự đại, kiêu căng, đánh đá, chua ngoa, sống vô tình, vô cảm thậm chí còn dùng cả vũ lực đối với người khác
5.9. Phát âm chuẩn tiếng phổ thông, nói năng nhẹ nhàng, truyền cảm	5.9. Phát âm sai, nặng tiếng địa phương, nói năng cọc lốc, gắt gỏng

### 3. KẾT LUẬN

Việc xây dựng hệ giá trị cần giáo dục cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa là vô cùng cần thiết và để có được kết quả này, chúng tôi đã thực hiện nhiều nghiên cứu và khảo sát rất công phu. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn và cũng là mục đích trong nghiên cứu của chúng tôi là đề xuất được các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm đưa hệ giá trị này vào nhận thức của từng nữ sinh viên để các em tự giác lĩnh hội, rèn luyện hướng tới các giá trị, qua đó từng bước hoàn thiện bản thân, thành công hơn trong cuộc sống, đóng góp được nhiều công sức hơn cho gia đình và xã hội. Vì vậy, có thể nói, hệ giá trị mà chúng tôi xây dựng chính là nội dung quan trọng nhất, chủ yếu nhất trong quá trình giáo dục giá trị cho nữ sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Thanh Hóa hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (đồng chủ biên) (2014), *Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt nam thời nay*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
- [6] Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2012), *Tài liệu tập huấn cho giảng viên cấp tỉnh về công tác tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

- [7] Trịnh Duy Huy (2019), *Định hướng giá trị cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Đề tài Nghiên cứu khoa học Cấp Bộ (Lưu trữ tại Thư viện trường Đại học Hồng Đức).
- [8] Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội.
- [9] Thái Duy Tuyên (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của Thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX- 07- 04, Hà Nội.

## THE VALUE SYSTEMS NEEDED TO EDUCATE FEMALE STUDENTS AT UNIVERSITIES AND COLLEGES IN THANH HOA

Mai Thi Quy

### ABSTRACT

*This is a follow-up to the results of the ministerial level research project "Valuable education measures for female students at Universities and Colleges in Thanh Hoa". In the previous article, the author has determined the criteria to build a value system that is needed for orientating university and college students in Thanh Hoa. In this article, the author focuses on the contents of that value system with two parts: (1) The common core values of Vietnamese women in the period of promoting industrialization and modernization with specific manifestations of them; (2) The unique values of female students at colleges and universities in Thanh Hoa cover all learning activities, social activities as well as their main relationships with their homeland, with the school, with parents, with teachers, friends, and with themselves. Beside the value system is a corresponding anti-value system to help students easily identify what is a value and an anti-value to guide the value properly.*

**Keywords:** *Value, value system, value education, female students.*

\* Ngày nộp bài: 31/10/2019; Ngày gửi phản biện: 22/11/2019; Ngày duyệt đăng: 30/12/2019

\* Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp Bộ mã số B2018 - HDT - 11 của Trường Đại học Hồng Đức